

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2017/HSST

Ngày: 14/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Tòng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Tiền**.

2/ Bà **Hồ Thị Lan Hương**.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền** – Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Chí Trung** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành,
tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 56/2017/HSST ngày 15 tháng
8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1- Nguyễn Văn T, sinh năm 1987, tại Bến Tre;

ĐKTT: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Trình độ học vấn: 6/12;

Nghề nghiệp: Buôn bán;

Con ông: Nguyễn Văn S và bà Trần Lệ T;

Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Cẩm T (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm
2008;

Tiền án: Ngày 03/12/20009, bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình
Dương xét xử 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (chấp
hành xong ngày 16/7/2015).

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam ngày 06/01/2017, chuyển tạm giam từ ngày 12/01/2017.

Có mặt tại phiên tòa.

2- Lý Thị Tuyết N (D), sinh năm 1989, tại Bến Tre;

ĐKTT: ấp X, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

Trình độ học vấn: 6/12;

Nghề nghiệp: Buôn bán;

Con ông: Lý Thanh V và bà Lê Thị N;

Bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn L (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2006;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam ngày 06/01/2017, chuyển tạm giam từ ngày 12/01/2017.

Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Trương Thị Kim H, sinh năm 1984. ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

- Trần Thị K, sinh năm 1960. ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

- Trần Ngọc L, sinh năm 1976. ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Lý Thị Tuyết N bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do không có tiền tiêu xài và chi trả nợ nần, nên Nguyễn Văn T đã nảy sinh ý định mua tiền giả loại mệnh giá có giá trị lớn, sau đó đem tiền giả mua những mặt hàng giá trị nhỏ để lấy tiền thật. Ngày 26/12/2016, T liên lạc với một người tên là T (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) tại quán cà phê ở phường Tân Thới Hiệp, quận 12 Tây mua của T 200 tờ tiền giả loại mệnh giá 200.000đ tương đương 40.000.000đ tiền thật với giá 20.000.000đ. Ngày 28/12/2016, T sử dụng 04 tờ tiền giả trên trả tiền thua đá gà và 02 tờ tiền giả trả tiền mua số đề. Để thuận tiện cho việc tiêu thụ tiền giả, tránh người bán hàng phát hiện T rủ Lý Thị Tuyết N (bạn gái của T) cùng với T tiêu thụ tiền giả để trả tiền thiếu nợ. Lúc đầu N không đồng ý, nhưng sợ T làm một mình dễ bị bắt, nên N đồng ý cùng với T đi về Bến Tre để tiêu thụ tiền giả. Sau khi hướng dẫn N phân biệt tiền thật, tiền giả và cách tiêu thụ, ngày 31/12/2016 T điều khiển xe 52P2-9100 (xe này T mượn của bà Trần Thị T là mẹ của T) chở N đi về Bến Tre.

Với thủ đoạn trên, trong ngày 31/12/2016 tại khu vực Chùa Rau Muống huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, T và N tiêu thụ 01 tờ.

Ngày 01/01/2017 trên đường đi từ huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh đến thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, T và N đã tiêu thụ 15 tờ tiền giả. Trong đó: T trực tiếp tiêu thụ 09 tờ; N trực tiếp tiêu thụ 06 tờ. Quá trình điều tra không xác định được người bán.

Ngày 02 và 03/01/2017, trên đoạn đường từ thị xã Cai Lậy- Tiền Giang đến nhà ông bà ngoại của T ở ấp B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre, T và N tiêu thụ tiếp 17 tờ tiền giả, trong đó T trực tiếp tiêu thụ 10 tờ, N trực tiếp tiêu thụ 07 tờ. Quá trình điều tra không xác định được người bán.

Ngày 04/01/2017, trên đường đi từ thị trấn Chợ Lách đến nhà nội của T ở ấp S, xã S, huyện C. T và N tiêu thụ tiếp 04 tờ tiền giả, đều do T trực tiếp tiêu thụ. Quá trình điều tra không xác định được người bán.

Ngày 05/01/2017, trên đường đi từ Chợ Lách, qua phà Tân Phú đến xã An Hiệp, huyện Châu Thành, T và N đã tiêu thụ khoảng 07 tờ tiền giả. T trực tiếp tiêu

thụ 05 tờ, N trực tiếp tiêu thụ 02 tờ (trong đó có 01 tờ mua quýt của chị Trần Ngọc L sinh năm 1976 ngụ ở ấp T, xã T). Quá trình điều tra không xác định được người bán còn lại.

Khoảng 07 giờ, ngày 06/01/2017, T và N tiếp tục đến khu vực chợ thuộc ấp Tiên Tây Vàm, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để tiêu thụ tiền giả. Trước khi đi, T đưa 05 tờ tiền giả và 01 tờ tiền 200.000đ thật cho N cất vào bóp cầm tay màu hồng của N để N tiêu thụ. Khi đến nơi, T vào quán đối diện chợ ăn bánh canh còn N vào chợ để tiêu thụ tiền giả. Nhưng đã tiêu thụ được 02 tờ tiền giả: 01 tờ mua cá dứa của chị Trương Thị Kim H; 01 tờ mua thịt heo của chị Trần Thị K. Ngoài ra, Nhung tiêu thụ không thành 03 tờ tiền giả: 01 tờ mua rau của chị Nguyễn Thị Mỹ L do phát hiện tiền giả nên chị L không bán; 01 tờ mua trứng vịt của chị Trần Ngọc Đ và 01 tờ mua đồ mủ của Nguyễn Thị M, nhưng bị phát hiện tiền giả nên N đổi lại tiền thật. Sau khi bị nhiều người phát hiện tiền giả, N đến mua bún thịt nướng và điện thoại cho T. Lúc này, T đang ngồi tại quán café gần chợ, thấy trong chợ có nhiều người xôn xao, nghi bị phát hiện xài tiền giả nên T chạy xe đến chỗ N, lấy 03 tờ tiền thật 5.000đ đưa N trả tiền bún rồi kêu N lên xe chạy về hướng TP. Bến Tre. Nhận được tin báo của quần chúng có 02 đối tượng đang sử dụng tiền giả, lực lượng Công an xã Tiên Thủy kết hợp với Chốt Công an xã An Hiệp thuộc Công an huyện Châu Thành và Công an xã Sơn Hòa truy đuổi theo T và N đến tiệm uốn tóc “Pé Zàng” thì bắt giữ được T và N.

Vật chứng thu giữ qua xác minh và trong quá trình truy đuổi T và N đã ném bỏ lại trên đường bỏ chạy:

- 145 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng nghi tiền giả, gồm:
 - + 135 tờ thu trong túi xộp màu trắng có bông hoa màu đỏ và hình con gấu, con thỏ màu vàng sọc đỏ mà T đã vứt bỏ bên đường
 - + 06 tờ thu tại dưới mương cạnh T đã vứt bỏ phía sau quầy bánh mì gần tiệm uốn tóc “Pé Zàng”
 - + 04 tờ thu tại khu vực chợ Tiên Thủy do chị Trần Ngọc L, Trần Thị K, Trương Thị Kim H và Phạm Thị H giao nộp.
- 01 túi xộp màu đen, bên trong có 05 gói thuốc lá gồm: 01 gói Caraven, 01 gói Hero, 03 gói Jet của T vứt bỏ trong khuôn viên nhà thờ gần tiệm uốn tóc “Pé Zàng”. Đây là số thuốc T dùng tiền giả để mua.
- 01 xe mô tô biển kiểm soát 52P2-9100;
- một túi xộp bên trong đựng 08 trái quýt treo trên xe (quá trình điều tra bị hư thối nên đã được tiêu hủy);
- tiền mặt các loại 24.124.000 đồng (trong đó: tiền thu lợi từ việc lưu hành tiền giả là 8.000.000đ; còn 16.124.000đ là tiền cá nhân của T)
- 01 túi xộp màu tím bên trong có 01 sợi dây nịt màu đen đầu bằng kim loại màu bạc
 - 01 áo khoác màu xanh trắng,
 - 01 ví da màu nâu hiệu LEVIS.
 - một túi xách bằng nhựa màu hồng.
 - 01 bóp nữ màu hồng nhãn hiệu CHALES&KEITH, 02 nón bảo hiểm là những đồ vật của N và T.

Ngoài ra, còn thu giữ của T và N một số tài sản, đồ dùng cá nhân, qua xác minh không liên quan đến hành vi lưu hành tiền giả của T và N nên cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành đã trả lại cho T và N.

Riêng chiếc xe 52P2-9100 khi T lấy xe đi về Bến Tre, bà T không biết T mượn xe đi về Bến Tre để tiêu thụ tiền giả, nên Cơ quan điều tra công an huyện Châu Thành đã trả lại cho bà T.

Tại bản kết luận giám định số 02/2017/GĐTL ngày 10/01/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự-Công an tỉnh Bến Tre, kết luận: 145 tờ tiền Polymer Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng (gồm: 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 thu giữ tại chợ Tiên Tây Vàm; 135 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng thu giữ trong túi xốp T ném lại bên đường; 06 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng thu giữ dưới mương cạn) là tiền giả.

Quá trình điều tra bà Trần Ngọc L, bà Trần Thị K và chị Trần Thị Kim H yêu cầu các bị can bồi thường mỗi người số tiền 200.000 đồng tương đương 01 tờ tiền giả mà bà L, bà K và chị H đã nhận sau khi bán hàng và thối tiền thật lại cho các bị can.

Cáo trạng số 56/KSĐT-TA ngày 15/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Lý Thị Tuyết N về tội: “*Lưu hành tiền giả*” quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 180; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 năm đến 08 năm tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 180; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lý Thị Tuyết N từ 03 năm đến 04 năm tù

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

Về xử lý vật chứng:

- Bị cáo T đã tiêu xài tổng cộng 52 tờ giấy bạc mệnh giá 200.000 đồng tiền giả. Trong đó có 03 tờ tiền giả mà bị cáo phải bồi thường cho bà L, bà K và chị H. Do đó buộc bị cáo T giao nộp số tiền 9.800.000 đồng là tiền thu lợi bất chính sung quỹ nhà nước.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 24.124.000 đồng của bị cáo T, và số tiền 600.000 đồng của bị cáo N để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 145 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng gồm các số seri: EY17416713 (02 tờ); EY17416715 (45 tờ); EY17416717 (02 tờ); EY17416719 (16 tờ); EY17416720 (27 tờ); EY17416721 (01 tờ); GF42613371 (01 tờ); GF42613373 (01 tờ); GF42613374 (50 tờ);

+ 01 túi xốp màu trắng có bông hoa màu đỏ và hình con gấu, con thỏ màu vàng sọc đỏ.

+ 01 túi nilong màu đen chứa: 01 gói thuốc lá hiệu Caraven, 01 gói thuốc lá hiệu Hero, 02 gói thuốc lá hiệu Jet; 01 gói thuốc lá hiệu Jet đã qua sử dụng bên trong còn 19 điếu thuốc.

+ 01 nón bảo hiểm màu đen và 01 nón bảo hiểm màu xanh có xọc trắng ở hai bên và trên cùng.

+ 01 túi xốp màu tím bên trong có 01 sợi dây nịt màu đen đầu bằng kim loại màu bạc; 01 áo khoác màu xanh trắng; 01 ví da màu nâu hiệu LEVIS , kích thước 07 x 20cm.

+ 01 túi nylon màu đỏ, có hai quai cầm, kích thước 20x30cm;

+ 01 túi xách nhựa màu hồng, có hoa văn hình trái tim, kích thước khoảng 20x25cm, có quai màu đen, có dây kéo.

+ 01 cái bóp nữ màu hồng, kích thước 20x13cm, nhãn hiệu CHALES&KEITH, (bên trong nền màu đỏ 02 ngăn, 01 ngăn kéo ở giữa).

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai nhận của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay thống nhất nhau, phù hợp với các lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Ngày 26/12/2016 bị cáo T mua 200 tờ tiền giả loại mệnh giá 200.000 đồng của một người tên T (không rõ họ tên địa chỉ) với giá 20.000.000 đồng. Đến ngày 28/12/2016 T lấy 04 tờ tiền giả trả tiền thua đá gà và 02 tờ mua số đề. Và để thuận tiện cho việc tiêu thụ tiền giả, tránh người bán hàng phát hiện T rủ Lý Thị Tuyết N (là bạn gái của T) cùng với T đem số tiền giả trên đi tiêu thụ.

Từ ngày 31/12/2016 đến ngày 06/01/2017, trên các đoạn đường từ huyện Hóc Môn, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh về tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, T và N đã tiêu thụ trót lọt 46 tờ tiền giả, trong đó: tại khu vực huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ 01 tờ; đoạn huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh đến thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tiêu thụ 15 tờ; đoạn thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đến thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tiêu thụ 17 tờ; xã Sơn Định, huyện Chợ Lách tiêu thụ 04 tờ; đoạn từ phà Tân Phú đến xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tiêu thụ 07 tờ; tại chợ thuộc ấp Tiên Tây Vàm, xã Tiên thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tiêu thụ 02 tờ. Đến khoảng 07 giờ 50 phút, ngày 06/01/2017, trong lúc T và N đang tiêu thụ tiền giả tại khu vực chợ thuộc ấp Tiên Tây Vàm, xã Tiên thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thì bị lực lượng Công an phát hiện, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 52P2-9100 chở N bỏ chạy về hướng thành phố Bến Tre, đến tiệm uốn tóc “Pé Zàng” thuộc Hương lộ 2, ấp 4, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre thì bị lực lượng Công an bắt giữ.

Tại bản kết luận giám định số 02/2017/GĐTL ngày 10/01/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bến Tre, kết luận: 145 tờ tiền Polymer Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng qua thu giữ là tiền giả.

Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn Tây, Lý Thị Tuyết Nhung đã phạm vào tội “Lưu hành tiền giả” theo quy định tại khoản 2 Điều 180 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực phát hành và lưu hành tiền tệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Với thủ đoạn sử dụng tiền giả mệnh giá 200.000 đồng để tiêu xài trong nhân dân bằng thủ đoạn mua các loại mặt hàng giá rẻ để được thối lại tiền thật nhằm mục đích thu lợi bất chính.

Bị cáo T và bị cáo N cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu xử lý theo chế định đồng phạm. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người cầm đầu, trực tiếp mua tiền giả, rủ rê lôi kéo bị cáo Nhung cùng tham gia và là người thực hiện việc lưu hành tiền giả, chiếm giữ quản lý tiền thật sau khi đổi thành công. Bị cáo N giữ vai trò thực hành giúp sức tích cực cho bị cáo T. Do vậy, mức hình phạt của bị cáo N nhẹ hơn so với bị cáo T là phù hợp.

Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo T có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo bị kết án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng, lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng.

Xét tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều có con nhỏ chưa thành niên, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường để khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, ngoài ra bị cáo N có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, .

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Trần Ngọc L, bà Trần Thị K và chị Trần Thị Kim H yêu cầu các bị cáo bồi thường mỗi người số tiền 200.000 đồng tương đương 01 tờ tiền giả mà bà L, bà K và chị H đã nhận sau khi bán hàng và thối tiền thật lại cho các bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo T, bị cáo N đồng ý bồi thường các khoản yêu cầu trên nên ghi nhận. Buộc bị cáo T và N liên đới bồi thường cho Bà Trần Ngọc L, bà Trần Thị K và chị Trần Thị Kim H mỗi người số tiền 200.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với tiền thu lợi bất chính thì bị cáo T là người trực tiếp mua tiền giả, tiêu xài tiền giả và quản lý tiền thật sau khi đổi để sử dụng cho riêng bản thân bị cáo. Bị cáo N chỉ là người thực hành tích cực theo sự hướng dẫn của bị cáo T, bị cáo N chỉ được lợi từ việc tiêu xài các sản phẩm hàng hóa dịch vụ ít tiền để đổi tiền thật còn sau khi đổi được tiền thật N xong phải giao lại cho bị cáo T quản lý, việc thu lợi bất chính của bị cáo N xét về lợi ích cá nhân là không đáng kể nên không buộc bị cáo N giao nộp thu lợi bất chính là phù hợp. Bị cáo T đã tiêu xài tổng cộng 52 tờ giấy bạc mệnh giá 200.000 đồng tiền giả. Trong đó bị cáo T và bị cáo N có

nghĩa vụ bồi thường cho Trần Ngọc L, bà Trần Thị K và chị Trần Thị Kim H mỗi người 200.000 đồng. Do đó buộc bị cáo T giao nộp số tiền 9.800.000 đồng là tiền thu lợi bất chính sung quỹ nhà nước là phù hợp.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 24.124.000 đồng của bị cáo Tây, và số tiền 600.000 đồng của bị cáo N để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 145 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng gồm các số seri: EY17416713 (02 tờ); EY17416715 (45 tờ); EY17416717 (02 tờ); EY17416719 (16 tờ); EY17416720 (27 tờ); EY17416721 (01 tờ); GF42613371 (01 tờ); GF42613373 (01 tờ); GF42613374 (50 tờ);

+ 01 túi xốp màu trắng có bông hoa màu đỏ và hình con gấu, con thỏ màu vàng sọc đỏ.

+ 01 túi nilong màu đen chứa: 01 gói thuốc lá hiệu Caraven, 01 gói thuốc lá hiệu Hero, 02 gói thuốc lá hiệu Jet; 01 gói thuốc lá hiệu Jet đã qua sử dụng bên trong còn 19 điếu thuốc.

+ 01 nón bảo hiểm màu đen và 01 nón bảo hiểm màu xanh có xọc trắng ở hai bên và trên cùng.

+ 01 túi xốp màu tím bên trong có 01 sợi dây nịt màu đen đầu bằng kim loại màu bạc; 01 áo khoác màu xanh trắng; 01 ví da màu nâu hiệu LEVIS , kích thước 07 x 20cm.

+ 01 túi nylon màu đỏ, có hai quai cầm, kích thước 20x30cm;

+ 01 túi xách nhựa màu hồng, có hoa văn hình trái tim, kích thước khoảng 20x25cm, có quai màu đen, có dây kéo.

+ 01 cái bóp nữ màu hồng, kích thước 20x13cm, nhãn hiệu CHALES&KEITH, (bên trong nền màu đỏ 02 ngăn, 01 ngăn kéo ở giữa).

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều có con còn nhỏ, có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

* Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí là 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo phải liên đới chịu án phí là 300.000 đồng.

Tại các địa phương nơi các bị cáo tiêu thụ tiền giả như: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Long An; Thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã có văn bản thông báo đến địa phương nêu trên để xác minh xử lý theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, Lý Thị Tuyết N (Đ) phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

Áp dụng khoản 2 Điều 180; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999;

1/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2017.

Áp dụng khoản 2 Điều 180; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999;

2/ Xử phạt bị cáo Lý Thị Tuyết N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2017.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

3/ Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lý Thị Tuyết N có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Bà Trần Ngọc L số tiền 200.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lý Thị Tuyết N có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Trần Thị K số tiền 200.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lý Thị Tuyết Nh có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Trần Thị Kim H số tiền 200.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nêu các bị cáo chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

4/ Xử lý vật chứng:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T giao nộp số tiền 9.800.000 đồng là tiền thu lợi bất chính sung quỹ nhà nước.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 24.124.000 đồng của bị cáo T, và số tiền 600.000 đồng của bị cáo N để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 145 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng gồm các số seri: EY17416713 (02 tờ); EY17416715 (45 tờ); EY17416717 (02 tờ); EY17416719 (16 tờ); EY17416720 (27 tờ); EY17416721 (01 tờ); GF42613371 (01 tờ); GF42613373 (01 tờ); GF42613374 (50 tờ);

+ 01 túi xốp màu trắng có bông hoa màu đỏ và hình con gấu, con thỏ màu vàng sọc đỏ.

+ 01 túi nilong màu đen chứa: 01 gói thuốc lá hiệu Caraven, 01 gói thuốc lá hiệu Hero, 02 gói thuốc lá hiệu Jet; 01 gói thuốc lá hiệu Jet đã qua sử dụng bên trong còn 19 điếu thuốc.

+ 01 nón bảo hiểm màu đen và 01 nón bảo hiểm màu xanh có xọc trắng ở hai bên và trên cùng.

+ 01 túi xốp màu tím bên trong có 01 sợi dây nịt màu đen đầu bằng kim loại màu bạc; 01 áo khoác màu xanh trắng; 01 ví da màu nâu hiệu LEVIS , kích thước 07 x 20cm.

+ 01 túi nylon màu đỏ, có hai quai cầm, kích thước 20x30cm;

+ 01 túi xách nhựa màu hồng, có hoa văn hình trái tim, kích thước khoảng 20x25cm, có quai màu đen, có dây kéo.

+ 01 cái bóp nữ màu hồng, kích thước 20x13cm, nhãn hiệu CHALES&KEITH, (bên trong nền màu đỏ 02 ngăn, 01 ngăn kéo ở giữa).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/8/2017 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; biên lai thu tiền số 0001807 ngày 28/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre).

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

5/ Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng; Bị cáo Lý Thị Tuyết N phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lý Thị Tuyết N phải liên đới chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- STP tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Công an huyện;
- Bộ phận HS CA huyện;
- UBND X. S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Thanh Tòng